TÒA PHÚC THẨM **TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO** **TẠI ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 64/2025/HC-PT
Ngày: 20/8/2025
V/v: Khiếu kiện quyết định hành chính

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông **Đinh Phước Hòa**

Các Thẩm phán: ông **Đặng Kim Nhân**

bà **Trần Thị Kim Liên**

- Thư ký phiên tòa*:* ông **Nguyễn Thế Trường**, Thư ký Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng.

***- Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng tham gia phiên toà*:** bà **Bùi Ngô Ý Nhi** - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 60/2025TLPT-HC ngày 17 tháng 7 năm 2025 về việc *"Khiếu kiện quyết định hành chính"*.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 08/2025/HC-ST ngày 04 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 384/2025/QĐ-PT ngày 01 tháng 8 năm 2025, giữa:

- Người khởi kiện:

1. Bà Ngô Bích N1; địa chỉ: Số I phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng (Nay là Số I, phường A, thành phố Đà Nẵng). Vắng mặt

2. Ông Hồ Đắc Công P; địa chỉ: Số A N, phường T, thành phố K, tỉnh Kon Tum (Nay là Số A N, phường K, tỉnh Quảng Ngãi). Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Chu Văn T; địa chỉ: Số B, ngách B đường T, phường T, thành phố Hà Nội. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: ông Trần Đình K - Luật sư Văn phòng luật sư L2 và đồng sự thuộc Đoàn luật sư thành phố H; địa chỉ: Số C (shophouse B), phố M, phường Y, quận C, TP . (nay là phường C, thành phố Hà Nội). Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Người bị kiện:

1. Ủy ban nhân dân tỉnh K;

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng: Ủy ban nhân dân tỉnh Q. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh K;

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng: Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Q. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: ông A B – Phó giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Q. Có mặt

- Người có quyền và nghĩa vụ liên quan:

1. UBND phường T, thành phố K, tỉnh Kon Tum.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng: Ủy ban nhân dân phường Đ, tỉnh Quảng Ngãi. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bà Trần Thị L; địa chỉ: Số nhà F đường P, phường T, thành phố K, tỉnh Kon Tum (nay là Số nhà F đường P, phường K, tỉnh Quảng Ngãi). Vắng mặt.

3. Ông Nguyễn Minh N2 (đã chết)

Người thừa kế hợp pháp của ông Nguyễn Minh N2*:*

3.1. Bà Trần Thị L (vợ), anh Nguyễn Đình M (con); địa chỉ: Số nhà F đường P, thành phố K, tỉnh Kon Tum (Nay là Số nhà F đường P, phường K, tỉnh Quảng Ngãi). Vắng mặt.

3.2. Anh Nguyễn Đình B1 (con); địa chỉ: Số nhà F đường P, thành phố K, tỉnh Kon Tum (Nay là Số nhà F đường P, phường K, tỉnh Quảng Ngãi). Vắng mặt.

3.3. Chị Nguyễn Thị Hải V (con); địa chỉ: C N, tổ A, phường Q, thành phố K, tỉnh Kon Tum (Nay là 03 N, tổ A, phường K, tỉnh Quảng Ngãi). Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Trần Thị L*, anh* Nguyễn Đình M*, anh* Nguyễn Đình B1*, chị* Nguyễn Thị Hải V*:* ông Nguyễn Ngọc Q, sinh năm 1958; địa chỉ: B đường H, thành phố K, tỉnh Kon Tum (Nay là B đường H, phường K, tỉnh Quảng Ngãi). Vắng mặt.

3.4. Bà Nguyễn Thị M1; địa chỉ: Số nhà D, tổ D, phường L, thành phố K, tỉnh Kon Tum (Nay là Số nhà D, tổ D, phường Đ, tỉnh Quảng Ngãi). Vắng mặt.

3.5. Ông Đoàn Văn B2 (đã chết);

Người thừa kế hợp pháp của ông Đoàn Văn B2*:* bà Nguyễn Thị M1 (vợ) và anh Đoàn Văn L1 (con). Địa chỉ: Số nhà D, tổ D, phường L, thành phố K, tỉnh Kon Tum (Nay là phường Đ, tỉnh Quảng Ngãi). Vắng mặt.

Do có kháng cáo của người bị kiện UBND tỉnh K và Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh K (Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là UBND tỉnh Q và Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Q).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện trình bày:

Năm 1996 để có mặt bằng sản xuất chế biến gỗ của Xí nghiệp T4 nên ông P nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Minh N2 và ông Đoàn Văn B2 diện tích 22.554 m^2 đất tại Km3, Quốc lộ A, xã H, nay là phường T, thành phố K.

Năm 1997, UBND tỉnh K thu hồi diện tích 22.554 m^2 của Xí nghiệp T4 và cho thuê lại, thời hạn thuê 50 năm, mục đích để chế biến lâm sản, theo Quyết định số 62/QĐ-UB ngày 17/01/1997. Ngày 31/10/1998, Giám đốc Sở địa chính ký hợp đồng số 153/HĐ-TĐ cho Xí nghiệp thuê đất là 50 năm, kể từ ngày 01/01/1996. Năm 2007 Xí nghiệp làm thủ tục được UBND tỉnh cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngày 15/10/2008 Xí nghiệp giải thể. Ngày 04/3/2022 ông P có đơn đề nghị UBND tỉnh K công nhận diện tích 22.554 m^2 đất.

Ngày 19/12/2022, Sở tài nguyên và môi trường tỉnh K ban hành Kết luận thanh tra số 08/KL-STNMT việc ông P đề nghị nhận lại diện tích 22.554 m^2 là không có cơ sở xem xét, giải quyết và báo cáo UBND tỉnh K.

Ngày 13/02/2023 UBND tỉnh K ban hành Thông báo số 354/UBND-NNTN về việc trả lời không công nhận đất theo đơn kiến nghị của ông P. Ngày 13/2/2023, ông P và bà N1 làm đơn khiếu nại Kết luận thanh tra. Ngày 05/7/2023, Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh K ra Quyết định số 311/QĐ-STNMT về việc giải quyết khiếu nại của ông P và bà N1 (lần đầu). Không đồng ý với giải quyết khiếu nại, ông P khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

Hủy: Văn bản số 354/UBND-NNTN ngày 13/02/2023 của UBND tỉnh K về việc trả lời đơn kiến nghị của ông Hồ Đắc Công P; Hủy quyết định giải quyết khiếu nại số 311/QĐ-STNMT ngày 05/7/2023 của Giám đốc Sở tài nguyên và môi trường tỉnh K; Buộc UBND tỉnh K và Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh K thực hiện thủ tục công nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp, diện tích 22.554 m^2 đất tại Km3, Quốc lộ A, xã H, nay là phường T, thành phố K.

Người khởi kiện đề nghị Hội đồng xét xử xem xét tính hợp pháp quyết định 62/QĐ-UB ngày 17/01/1997 và Kết luận thanh tra số 08/KL-STNMT ngày 19/12/2022 của Giám đốc Sở tài nguyên và môi trường tỉnh K là quyết định có liên quan trong vụ án.

- Người bị kiện** UBND tỉnh K **không đồng ý với yêu cầu của người khởi kiện và cho rằng:

Thực hiện Chỉ thị số 245/TTg ngày 22/4/1996 của Thủ tướng Chính phủ về Tổ chức thực hiện một số việc cấp bách trong quản lý, sử dụng đất của các tổ chức trong nước được Nhà nước giao đất cho thuê đất. Vì vậy, UBND tỉnh K làm thủ tục cho các doanh nghiệp, tổ chức trong tỉnh thuê đất, trong đó có Xí nghiệp T4 thuê đất.

Năm 2022, Chủ tịch UBND tỉnh K nhận được Đơn kiến nghị của ông Hồ Đắc Công P, ủy quyền cho ông Nguyễn Ngọc Q kiến nghị về việc xin nhận lại quyền sử dụng đất đối với diện tích 22.554 m^2 tại vị trí thửa đất số 3, tờ bản đồ số 50, phường T, thành phố K, tỉnh Kon Tum (đơn đề ngày 04 tháng 5 năm 2022). Để làm rõ nội dung kiến nghị của ông Hồ Đắc Công P tại Đơn kiến nghị ngày 04 tháng 5 năm 2022, UBND tỉnh đã giao Sở T thành lập Đoàn thanh tra tiến hành thanh tra việc thu hồi, cho thuê đất đối với Xí nghiệp T4, việc quản lý sử dụng đất thuê của Xí nghiệp T4, việc quản lý sử dụng đối với diện tích đất thuê sau khi Xí nghiệp T4 giải thể cho đến nay. Qua kết quả thanh tra, Giám đốc Sở T đã ban hành Kết luận thanh tra số 08/KL-STNMT ngày 19 tháng 12 năm 2022 về việc thu hồi, cho thuê đất, việc quản lý, sử dụng đất đối với Xí nghiệp T4, trong đó đã kết luận: "Việc ông Hồ Đắc Công P đề nghị nhận lại quyền sử dụng đất với diện tích 22,554m^2 đã được Ủy ban nhân dân tỉnh K cho Xí nghiệp T4 thuê đất là không có cơ sở để xem xét, giải quyết".

Trên cơ sở Kết luận thanh tra của Giám đốc Sở T và căn cứ các quy định của Luật Đất đai, UBND trả lời nội dung Đơn kiến nghị của ông Hồ Đắc Công P như sau: Nội dung kiến nghị của ông Hồ Đắc Công P về việc xin nhận lại quyền sử dụng đất đối với diện tích 22.554 m^2 tại vị trí thửa đất số 3, tờ bản đồ số 50, phường T, thành phố K, tỉnh Kon Tum là không có cơ sở để xem xét, giải quyết. Đề nghị ông Hồ Đắc Công P thực hiện các nội dung theo Kết luận thanh tra số 08/KL-STNMT ngày 19 tháng 12 năm 2022 của Sở T.

Ý kiến của người bị kiện: Căn cứ tài liệu, bằng chứng thu thập được trong quá trình xác minh, kết quả làm việc với cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan, Chủ tịch UBND tỉnh K giữ nguyên nội dung tại Văn bản số 354/UBND-NNTN ngày 13 tháng 02 năm 2023 của UBND tỉnh về trả lời đơn kiến nghị của ông Hồ Đắc Công P và đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum xem xét, giải quyết đơn khởi kiện vụ án hành chính theo hướng: Bác đơn khởi kiện của ông Hồ Đắc Công P, bà Ngô Bích N1 và ông Chu Văn T (đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện).

Người bị kiện Giám đốc** Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh K **không đồng ý yêu cầu của người khởi kiện và cho rằng:

Ông P cho rằng nguồn gốc đất do nhận chuyển nhượng từ ông B2 và ông N2 nhưng không có giấy tờ hợp pháp về đất đai. Hợp đồng chuyển nhượng đều là bản photo; không lưu trữ trong hồ sơ thuê đất của Xí nghiệp và cơ quan quản lý đất đai.

Ông P là Chủ Xí nghiệp T4, năm 1996 có đơn xin thuê đất, được UBND tỉnh K thực hiện thủ tục cho thuê và đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của người sử dụng đất. Năm 2008 Xí nghiệp T4 giải thể, bị thu hồi giấy chứng nhận kinh doanh, do đó theo quy định tại khoản 2 Điều 38 Luật Đất đai năm 2003, điểm a khoản 1 Điều 65 Luật Đất đai năm 2013, phải trả lại đất đã thuê cho Nhà nước. Đối với khiếu nại về diện tích đất 1.419m^2 đất dôi dư nằm ngoài diện tích đất UBND tỉnh K cho Xí Nghiệp T4 thuê đất, chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: Kết quả đối chiếu hình thể thửa đất, kích thước các cạnh của thửa đất được UBND tỉnh K cho thuê tại Quyết định 62/QĐ-UB ngày 17/01/1997 và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 24/12/2007 với cùng diện tích là 22.554m^2. Tuy nhiên, qua đo đạc thực tế của Đoàn Thanh tra, thì diện tích khu đất do đạc được là 23.973m^2, lớn hơn diện tích Xí nghiệp T4 thuê 1.419m^2. Do vậy, kết luận 1.419m^2 đất này là đất dôi dư chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là chính xác. Vì vậy, đề nghị bác đơn khởi kiện của người khởi kiện.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Trần Thị L***, anh*** Nguyễn Đình M***; anh*** Nguyễn Đình B1***; chị*** Nguyễn Thị Hải V ***là ông*** Nguyễn Ngọc Q ***trình bày:***

Ông Nguyễn Minh N2 có tự khai khẩn, tạo lập được tài sản là thửa đất có diện tích 8000 m^2 đất nông nghiệp, có Giấy chứng nhận quyền sở hữu đất đai số 6856 do Ty Địa điền của chính quyền cũ cấp trước năm 1975. Gia đình bà L sử dụng đất để canh tác đến tháng 5/1996 thì ông N2 có chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông Hồ Đắc Công P với giá 10.000.000 đồng. Việc chuyển nhượng giữa hai người có hợp đồng chuyển nhượng và được xác nhận của cơ quan nhà nước địa phương. Do thời gian đã lâu, hiện nay hợp đồng chuyển nhượng đã thất lạc, cũng không còn lưu trữ hay bất kì giấy tờ đất đai nào. Sau khi ký hợp đồng, ông P giao đủ tiền chuyển nhượng và ông N2 đã giao đất, toàn bộ giấy tờ đất cho ông P theo đúng thoả thuận, ông P tự xây dựng nhà xưởng trên đất. Gia đình bà Liên từ đó đến khi ông N2 chết và cho đến ngày nay gia đình bà L không còn sử dụng hay có quyền lợi gì liên quan đến thửa đất đó nữa. Việc mua bán giữa ông N2 và ông P đã thực hiện và hoàn thành từ lâu, thửa đất đó hiện nay gia đình bà L không còn sử dụng, không có quyền lợi nghĩa vụ, trách nhiệm gì liên quan đến thửa đất.

Đề nghị Toà án tiến hành giải quyết yêu cầu khởi kiện của bà N1, ông P theo đúng quy định của pháp luật.

Đối với bà Nguyễn Thị M1 ***và anh*** Đoàn Văn L1***:*** Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án làm việc, không tham gia đối thoại và không đến dự phiên tòa xét xử vụ án.

Đối với UBND phường T***:*** không có văn bản trình bày ý kiến.

- Những người làm chứng trình bày:

- Ngày 14/02/2025, tại TAND tỉnh Kon Tum, ông Nguyễn Mạnh T1 trình bày: Năm 1995, ông là Phó Bí thư chi bộ, Chủ tịch UBND xã H, thị xã K, tỉnh Kon Tum. Ông xác nhận chữ ký Nguyễn Mạnh T1 và chữ viết tại phần "UBND xã H xác nhận" tại trang thứ 4 của "Giấy chuyển quyền sử dụng đất thối tiền công" đề ngày 17/10/1995 đúng là do ông ký và viết.

Sự việc mua bán giữa hai bên, có xác nhận của thôn P là ông Phạm Văn T2, cán bộ địa chính xã H là ông Dương N3 xác nhận, tham mưu. Sau đó ông kiểm tra lại và xác nhận. Ông Đoàn Văn B2 và ông Hồ Đắc Công P đến trụ sở Ủy ban nhân dân xã H để ký "Giấy chuyển quyền sử dụng đất thối tiền công" này. Vị trí đất tại: Thôn B, xã H (nay là tổ dân phố C, phường T).

- Tại Vi bằng lập ngày 14/02/2025, những người làm chứng trình bày:

+ Bà Lê Thị T3: Bà T3 sinh sống tại Tổ C, phường T, thành phố K từ năm 1985 đến nay, gần thửa đất hiện nay có xưởng gỗ của ông Hồ Đắc Công P. Thời điểm năm 1985 thì thửa đất này do ông Đoàn Văn B2 và ông Nguyễn Minh N2 sử dụng trồng mỳ. Khoảng năm 1995-1996 ông P mua đất của ông B2, ông N2 và xây dựng xưởng gỗ.

+ Bà Trần Thị L2 và ông Phạm Ngọc H: Bà L2 và ông H sinh sống tại Tổ C, phường T, thành phố K từ năm 1994 đến nay, gần thửa đất có xưởng gỗ của ông Hồ Đắc Công P. Năm 1994 khi ông bà đến đây thì khu đất này thuộc quyền sử dụng của ông Đoàn Văn B2 và ông Nguyễn Minh N2. Khoảng năm 1995-1996, ông P mua đất của ông B2, ông N2 và xây dựng xưởng gỗ. Xưởng gỗ của ông P từ lúc mua đất của ông B2, ông N2 đến nay vẫn giữ nguyên hiện trạng, ranh giới không thay đổi.

+ Ông Nguyễn Văn B3: thời điểm năm 1986 thì khu đất này thuộc quyền sử dụng của ông Đoàn Văn B2 và ông Nguyễn Minh N2. Ông B2 sử dụng đất trồng mía, ông N2 thì trồng mỳ. Năm 1994, ông bà là người giới thiệu cho ông P mua đất của ông B2 và ông N2. Khoảng năm 1995-1996, ông P và ông B2, ông N2 có lập hợp đồng chuyển nhượng Quyền sử dụng đất, nội dung thế nào thì ông không biết. Sau đó ông P xây dựng xưởng gỗ trên đất vào năm 1995-1996. Năm 1998, ông P xây dựng nhà điều hành và hiện trạng như hiện nay.

+ Bà Nguyễn Thị N4 trình bày: Bà N4 sinh sống tại tổ C, phường T, thành phố K từ năm 1989 đến nay, gần thửa đất hiện nay có xưởng gỗ của ông Hồ Đắc Công P. Thời điểm năm 1989 thì thửa đất này do ông Đoàn Văn B2 và ông Nguyễn Minh N2 sử dụng trồng mỳ. Sau đó ông P mua đất của ông B2, ông N2 và xây dựng xưởng gỗ.

Ngày 05/3/2024 tại Bản án số: 02/2024/HC-ST Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum đã xét xử sơ thẩm vụ án và quyết định: Chấp nhận đơn khởi kiện, hủy Quyết định hành chính số 311/QĐ-STNMT ngày 05/7/2023 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh K; Hủy Văn bản số 354/UBND-NNTN ngày 13/02/2023 của UBND tỉnh K về việc trả lời đơn kiến nghị của ông Hồ Đắc Công P. Buộc cơ quan có thẩm quyền thực hiện thủ tục quyền sử dụng đất nông nghiệp cho ông Hồ Đắc

Công P đối với diện tích 22.554m^2, tại thửa số 03, tờ bản đồ số 50, địa chỉ: Tổ C, phường T, thành phố K, tỉnh Kon Tum theo quy định của pháp luật.

Ngày 18/9/2024 tại Bản án số: 344/2024/HC-PT, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đã xét xử phúc thẩm vụ án và cho rằng cần phải xác minh, làm rõ thêm về nguồn gốc đất cũng như cần đưa người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vào vụ án do đó đã quyết định: Hủy Bản án hành chính sơ thẩm số: 02/2024/HC-ST ngày 05/3/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum, giao hồ sơ vụ án về cho Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 08/2025/HC-ST ngày 04 tháng 6 năm 2025, Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum (nay là Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi) đã quyết định:

"*Căn cứ khoản 2 Điều 3; Điều 30; Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 116; điểm b khoản 2 Điều 157; Điều 159; điểm b khoản 2 Điều 193 Luật Tố tụng hành chính;*

Căn cứ các Điều 20, 27, 28, 29, 30, 31 Luật khiếu nại năm 2011.

Căn cứ khoản 1 Điều 2; Điều 21, 27 và Điều 73 Luật đất đai năm 1993; Mục 2, Chỉ thị số 245/TTg ngày 22/4/1996 của Thủ tướng Chính phủ về Tổ chức thực hiện một số việc cấp bách trong quản lý, sử dụng đất của các tổ chức trong nước được Nhà nước giao đất cho thuê đất; Pháp lệnh về quyền và nghĩa vụ của các tổ chức trong nước được Nhà nước giao đất, cho thuê đất ngày 25/10/1994.

Chấp nhận toàn bộ đơn khởi kiện của bà Ngô Bích N1 và ông Hồ Đắc Công P. Tuyên: Hủy Quyết định hành chính số 311/QĐ-STNMT ngày 05/7/2023 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh K; Hủy Văn bản số 354/UBND-NNTN ngày 13/02/2023 của UBND tỉnh K về việc trả lời đơn kiến nghị của ông Hồ Đắc Công P.

Buộc UBND tỉnh K, Sở Nông nghiệp và môi trường tỉnh Kon Tum phải thực hiện nhiệm vụ, công vụ trong cấp quyền sử dụng đất cho ông Hồ Đắc Công P đối với diện tích 22.554m^2, tại thửa số 03, tờ bản đồ số 50, địa chỉ: Tổ C, phường T, thành phố K, tỉnh Kon Tum theo quy định của pháp luật."

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 19/6/2025, Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh K (cũ) có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm.

Ngày 20/6/2025, Ủy ban nhân dân tỉnh K (cũ) có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện Sở Nông nghiệp và môi trường tỉnh Q, đại diện Ủy ban nhân dân tỉnh Q giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án, về trình tự, thủ tục giải quyết thì Hội đồng xét xử, thư ký đã tuân thủ đúng quy định của Luật tố tụng hành chính. Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Bích N1, ông Hồ Đắc Công P là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của Sở Nông nghiệp và môi trường tỉnh Q, Ủy ban nhân dân tỉnh Q, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được thẩm tra, kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến của Kiểm sát viên và các đương sự, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn xin xét xử vắng mặt. Thấy đây là phiên tòa được mở lần thứ nhất, người bị kiện kháng cáo có đơn xin xét xử vắng mặt, vắng mặt những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng việc vắng mặt của những đương sự nêu trên không làm ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt những đương sự trên.

[2] Về thủ tục tố tụng: Quyết định số 311/QĐ-STNMT ngày 05/7/2023 của Giám đốc Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh K, Văn bản số 354/UBND-NNTN ngày 13/02/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh K về việc giải quyết khiếu nại của bà Ngô Bích N1, ông Hồ Đắc Công P là quyết định giải quyết khiếu nại trong lĩnh vực quản lý Nhà nước về đất đai nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án bằng vụ án hành chính theo khoản 1 Điều 30 Luật Tố tụng hành chính. Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum (nay là Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi sau sát nhập) thụ lý, giải quyết vụ án hành chính theo quy định tại Điều 32 Luật tố tụng Hành chính là đúng.

[3] Về nguồn gốc diện tích 22.554m^2 đất: ông P cho rằng năm 1995 nhận chuyển nhượng của ông Đoàn Văn B2 và ông Nguyễn Minh N2, năm 1996 xây dựng xưởng chế biến gỗ. Việc nhận chuyển nhượng đã được Ủy ban nhân dân xã H chứng thực và thực hiện nghĩa vụ đóng thuế.

Phía người bị kiện Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh K (nay là Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Q) cho rằng quá trình giải quyết khiếu nại ông P không cung cấp được chứng cứ hợp pháp để chứng minh về nguồn gốc đất nên không có căn cứ để giải quyết, thửa đất 22.554m^2 đã được Nhà nước cho thuê tại Quyết định số 62/QĐ-UB ngày 17/01/1997 của Ủy ban nhân dân tỉnh K.

[4] Xét Quyết định số 62/QĐ-UB ngày 17/01/1997 của Ủy ban nhân dân tỉnh K.

[4.1] Ngày 17/01/1997, Ủy ban nhân dân tỉnh K ban hành Quyết định số 62/QĐ-UB về việc cho Xí nghiệp T4 thuê đất để sử dụng vào mục đích chế biên lâm sản, có nội dung: "*Nay thu hồi đất có vị trí và diện tích dưới đây để cho cơ quan,*

đơn vị Xí nghiệp T4 thuê đất để sử dụng vào mục đích chế biến lâm sản (có sơ đồ trích lục số 113/ĐĐ-ĐC do Sở Địa chính lập ngày 10 tháng 01 năm 1997 kèm theo)...Diện tích 22.554m²" (bl 102)

Theo "*Biên bản thẩm tra hồ sơ thuê đất*" ngày 30/9/1996, Đoàn kiểm tra liên nghành xác nhận như sau:

"*1. Về vị trí địa điểm công trình: Doanh nghiệp tư nhân R tại thôn B, xã H là phù hợp với quy hoạch.*

2. Về qui mô đất:

- Tổng diện tích bàn giao theo CNQSD đất 22.554m².

- Diện tích thực tế đang quản lý sử dụng 22.554m².

...

3. Về hiện trạng khu đất:

- Xưởng chế biến gỗ" (bl 108).

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông A B cũng thừa nhận "*Hiện trạng doanh nghiệp đang sử dụng, thời điểm chủ yếu là hồ sơ hợp thức hóa, thu hồi và cho doanh nghiệp thuê. Quyết định 62/QĐ-UB ngày 17/01/1997 là hợp thức hóa cho doanh nghiệp. Hiện trạng trên đất đã có nhà xưởng. Trên biên bản kiểm tra hiện trạng có thể hiện trên đất có xưởng gỗ*"

Như vậy, thửa đất 22.554m² mà Ủy ban nhân dân tỉnh K cho Xí nghiệp T4 thuê thực tế đã được Xí nghiệp T4 sử dụng từ trước.

[4.2] Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh K kháng cáo cho rằng nguồn gốc thửa đất của ông P sử dụng chưa hợp pháp.

Thấy người khởi kiện cung cấp một bản gốc *"Giấy chuyển quyền sử dụng đất thối tiền công"* đề ngày 17/10/1995 giữa ông Đoàn Văn B2 và ông Hồ Đắc Công P, diện tích 14.550 m² và có sơ đồ, vị trí, kích thước thửa đất, được Ủy ban nhân dân xã H chứng thực ngày 29/10/1995.

Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành xác minh, lấy lời khai của các cán bộ thôn, xã xác nhận trên giấy nêu trên, kết quả như sau:

Ông Phạm Văn T2 - thôn P đã chết năm 2010; cán bộ địa chính xã H là ông Dương N3 hiện nay bị bệnh tai biến, không có khả năng trình bày lời khai trước Tòa án.

Ông Nguyễn Mạnh T1 - Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã H xác nhận: có việc ông Đoàn Văn B2 chuyển nhượng diện tích đất 14.550 m² cho ông Hồ Đắc Công P. Diện tích đất này do ông Đoàn Văn B2 khai phá canh tác, sử dụng, không có tranh

chấp gì từ khi khai hoang đến thời điểm chuyển nhượng. Xét thấy nguồn gốc đất rõ ràng, được chính quyền thôn, địa chính xã xác nhận nên ngày 29/10/1995 ông T1 ký xác nhận việc sang nhượng giữa hai bên, chuyển cấp có thẩm quyền xem xét, giải quyết.

Do đó, "*Giấy chuyển quyền sử dụng đất thổi tiền công*" đề ngày 17/10/1995 là hợp pháp đã được Ủy ban nhân dân xã H chứng thực là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Luật đất đai năm 1993.

Bà Trần Thị L, anh Nguyễn Đình M, anh Nguyễn Đình B1, chị Nguyễn Thị Hải V đều xác nhận: tháng 5/1996 ông Nguyễn Minh N2 có chuyển nhượng quyền sử dụng đất diện tích 8000 m^2 đất nông nghiệp cho ông Hồ Đắc Công P với giá 10.000.000 đồng tại xã H.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người bị kiện không xuất trình được tài liệu, chứng cứ nào thể hiện việc Nhà nước đã quản lý thửa đất 22.554m^2 trước năm 1997. Do đó có cơ sở xác định thửa đất nêu trên đã được ông Hồ Đắc Công P sử dụng hợp pháp từ trước năm 1997.

[4.3] Người bị kiện cho rằng: Ủy ban nhân dân tỉnh K thực hiện Chỉ thị số 245/TTg ngày 22/4/1996 của Thủ tướng Chính phủ về Tổ chức thực hiện một số việc cấp bách trong quản lý, sử dụng đất của các tổ chức trong nước được Nhà nước giao đất cho thuê đất nên mới ban hành Quyết định số 62/QĐ-UB ngày 17/01/1997.

Thấy: Chỉ thị số 245/TTg ngày 22/4/1996 của Thủ tướng Chính phủ áp dụng đối với các tổ chức trong nước được Nhà nước giao đất, nay thuộc đối tượng thuê đất (mục 2, mục 7 Chỉ thị).

Như đã phân tích ở trên, diện tích 22.554m^2 đất này không phải do Nhà nước giao cho chủ Xí nghiệp Rạng Đông nên Ủy ban nhân dân tỉnh K ban hành quyết định số 62/QĐ-UB ngày 17/01/1997 với nội dung: Thu hồi diện tích 22.554m^2 cho Xí nghiệp T4 thuê đất, để chế biến lâm sản là không đúng Chỉ thị số 245/TTg ngày 22/4/1996 của Thủ tướng Chính phủ.

[4.4] Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Bích N1, ông Hồ Đắc Công P là có căn cứ.

[5] Tại phiên tòa phúc thẩm, phía người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không xuất trình thêm tài liệu, chứng cứ gì mới nên không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo.

[6] Về án phí: Ủy ban nhân dân tỉnh K (cũ), Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh K (cũ) phải chịu án phí hành chính phúc thẩm vì kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng Hành chính;

1. Không chấp nhận kháng cáo của Ủy ban nhân dân tỉnh K (nay là Ủy ban nhân dân tỉnh Q), Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh K (nay là Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Q). Giữ nguyên quyết định Bản án hành chính sơ thẩm số 08/2025/HC-ST ngày 04/6/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum (nay là Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi sau sát nhập).

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

2. Về án phí hành chính phúc thẩm:

Ủy ban nhân dân tỉnh K (nay là Ủy ban nhân dân tỉnh Q) phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm. Xác nhận Ủy ban nhân dân tỉnh K (nay là Ủy ban nhân dân tỉnh Q) đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000186 ngày 27/6/2025 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Kon Tum (nay là Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Quảng Ngãi).

Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh K (nay là Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Q) phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm. Xác nhận Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh K (nay là Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Q) đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000185 ngày 24/6/2025 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Kon Tum (nay là Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Quảng Ngãi).

3. Những quyết định khác của bản án hành chính sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- Viện CT&KSXXPT tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- THADS tỉnh Quảng Ngãi;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, P.HCTP, LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đinh Phước Hoà